

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH KHÁNH HÒA**



QUY TRÌNH

**ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA
DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ
BẢO LÃNH**

(8.1, 8.2, 8.5: ISO 9001:2015)

Mã hiệu: **QT.CN42.NH.06**

Lần ban hành: **01/02**

Ngày ban hành: **06/8/2024**

| | | | |
|-------------------------------|--|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | | Lần ban hành: 01/02 |
| | | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | | Trang/ Tổng trang: 1/12 |

| TÀI LIỆU NÀY PHẢI ĐƯỢC PHÂN PHỐI ĐẾN | | | | |
|---|---|--|-------------------------------------|--------------------------|
| Giám đốc | <input checked="" type="checkbox"/> | Thư ký ISO | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| Các Phó Giám đốc | <input checked="" type="checkbox"/> | Thanh tra Giám sát Ngân hàng | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| Phòng Tổng hợp – Kế toán | <input checked="" type="checkbox"/> | | | <input type="checkbox"/> |
| Phòng Hành chính, Nhân sự & KSNB | <input checked="" type="checkbox"/> | | | <input type="checkbox"/> |
| Phòng Tiền tệ Kho quỹ | <input type="checkbox"/> | | | <input type="checkbox"/> |
| SỬA ĐỔI TÀI LIỆU | | | | |
| Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung | Trang/Phần liên quan việc sửa đổi | Mô tả nội dung sửa đổi | Lần ban hành/Lần sửa đổi | Ngày sửa đổi |
| Sửa đổi | Trang 2 | Cơ sở pháp lý | Sửa đổi lần 1 | 25/11/2022 |
| Sửa đổi | Trang 3 | Mục 5.2 Điều kiện thực hiện TTHC | Sửa đổi lần 1 | 25/11/2022 |
| Sửa đổi | Trang 3 | Mục 5.3 Đối tượng thực hiện đăng ký khoản vay | Sửa đổi lần 1 | 25/11/2022 |
| Sửa đổi | Trang 4,5,6 | Mục 5.4 Thành phần hồ sơ | Sửa đổi lần 1 | 25/11/2022 |
| Sửa đổi | Trang 2 | Thay đổi tên của các phòng thuộc Chi nhánh | Sửa đổi lần 2 | 06/8/2024 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| Trách nhiệm | Biên soạn | Kiểm tra | Phê duyệt |
|-------------|------------------|------------------------------------|----------------|
| Họ và tên | Lê Thị Kim Hường | Võ Quang Hòa | Đỗ Trọng Thảo |
| Chức danh | Chuyên viên | Trưởng phòng Tổng hợp – Kế toán | Quyền Giám đốc |
| Chữ ký | | | |

| | | |
|-------------------------------|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Lần ban hành: 01/02 |
| | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | Trang/ Tổng trang: 2/12 |

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, trách nhiệm và phương pháp tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định pháp luật.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh Khánh Hòa đăng ký khoản vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương, trừ các khoản vay bằng đồng Việt Nam), gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng (trừ các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ) và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Phòng Tổng hợp – Kế toán, các phòng, bộ phận có liên quan trực thuộc Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát thủ tục này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
- Các văn bản pháp luật liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa: NHNN Chi nhánh
- THKT: Tổng hợp – Kế toán
- HCNS&KSNB: Hành chính, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ
- TTHC: Thủ tục hành chính
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- BPMC: Bộ phận một cửa NHNN Chi nhánh

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

| | |
|------------|---|
| 5.1 | Cơ sở pháp lý |
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;- Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;- Thông tư 12/2014/TT-NHNN ngày 31/3/2014 của NHNN Việt Nam quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;- Thông tư số 12/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của NHNN Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.- Quyết định số 1826/QĐ-NHNN ngày 26/10/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động ngoại hối |

| | | |
|-------------------------------|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Lần ban hành: 01/02 |
| | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | Trang/ Tổng trang: 3/12 |

| | |
|------------|--|
| | <p>thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN Việt Nam.</p> <p>- Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>- Quyết định 2412/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước.</p> |
| 5.2 | Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính |
| | <p>* Bên đi vay phải gửi hồ sơ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ:</p> <p>a) Ngày ký thỏa thuận vay nước ngoài trung, dài hạn;</p> <p>b) Ngày ký thỏa thuận gia hạn khoản vay nước ngoài ngắn hạn thành trung, dài hạn đối với khoản vay tự vay tự trả quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 12/2022/TT-NHNN, mà ngày ký thỏa thuận gia hạn trong vòng 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên;</p> <p>c) ngày bên đi vay được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động theo pháp luật chuyên ngành, ngày ký hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư (hợp đồng PPP), ngày các bên ký thỏa thuận vay nước ngoài để chuyển số tiền chuẩn bị đầu tư thành vốn vay (tùy thuộc ngày nào đến sau), áp dụng đối với khoản vay nước ngoài phát sinh từ việc chuyển số tiền thực hiện chuẩn bị đầu tư của các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành vốn vay nước ngoài.</p> <p>* Bên đi vay phải gửi hồ sơ trong thời hạn 60 (ba mươi) ngày làm việc tính từ ngày tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên đối với:</p> <p>a) Khoản vay quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 12/2022/TT-NHNN mà ngày ký thỏa thuận gia hạn sau 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên; và</p> <p>b) Khoản vay quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 12/2022/TT-NHNN.</p> |
| 5.3 | Đối tượng thực hiện đăng ký khoản vay |
| <i>1</i> | Bên đi vay ký kết thỏa thuận vay nước ngoài với bên cho vay là người không cư |

| | | |
|-------------------------------|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Lần ban hành: 01/02 |
| | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | Trang/ Tổng trang: 4/12 |

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| | trú | | |
| 2 | Tổ chức chịu trách nhiệm trả nợ trực tiếp cho bên ủy thác trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký hợp đồng nhận ủy thác cho vay lại với bên ủy thác là người không cư trú | | |
| 3 | Bên đi thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính với bên cho thuê là người không cư trú | | |
| 4 | Tổ chức kế thừa nghĩa vụ trả nợ khoản vay nước ngoài thuộc đối tượng đăng ký, đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này trong trường hợp bên đi vay đang thực hiện khoản vay nước ngoài thì thực hiện chia, tách, hợp nhất hoặc sáp nhập | | |
| 5.4 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 1 | + Đơn đăng ký khoản vay (trường hợp bên đi vay không khai báo thông tin khoản vay trên Trang điện tử trước khi gửi hồ sơ).(Phuluc.CN42.P08.22.01); hoặc + Đơn in từ Trang điện tử tại địa chỉ www.sbv.gov.vn hoặc www.qlnh-sbv.cic.org.vn , ký và đóng dấu (trường hợp bên đi vay đã khai báo thông tin khoản vay trên Trang điện tử trước khi gửi hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài). | x | |
| 2 | Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay: Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) hoặc các tài liệu tương đương khác | | x |
| 3 | Văn bản chứng minh mục đích vay bao gồm: a) Đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư: Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; b) Đối với khoản vay thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh khác không phải dự án đầu tư: Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và điều lệ doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và điều lệ hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên | x (hoặc) | x |

| | | |
|-------------------------------|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Lần ban hành: 01/02 |
| | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | Trang/ Tổng trang: 5/12 |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | <p>quan;</p> <p>c) Đối với khoản vay để cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài của bên đi vay: Phương án cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài của bên đi vay được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và điều lệ hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;</p> <p>d) Đối với khoản vay quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Thông tư 12/2022/TT-NHNN: Báo cáo việc sử dụng khoản vay nước ngoài ngắn hạn ban đầu đáp ứng quy định về điều kiện vay nước ngoài ngắn hạn (kèm theo các tài liệu chứng minh như phương án sử dụng vốn vay nước ngoài của bên đi vay, phương án cơ cấu khoản nợ nước ngoài);</p> | | |
| 4 | Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt thỏa thuận vay nước ngoài và thỏa thuận gia hạn khoản vay ngắn hạn thành trung, dài hạn (nếu có). | | x |
| 5 | Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt văn bản cam kết bảo lãnh (thư bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh hoặc hình thức cam kết bảo lãnh khác) trong trường hợp khoản vay được bảo lãnh. | | x |
| 6 | Bản sao văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt việc vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định về quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với bên đi vay là doanh nghiệp nhà nước | | x |
| 7 | <p>* Xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản về tình hình rút vốn, trả nợ (gốc, lãi) đến thời điểm đăng ký khoản vay (áp dụng đối với bên đi vay mở tài khoản vay, trả nợ nước ngoài tại ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản) trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Trường hợp vay nước ngoài để cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài: Văn bản của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản của bên đi vay về tình hình rút vốn, trả nợ đối với khoản vay nước ngoài sẽ được cơ cấu lại từ nguồn vốn</p> | x | |

| | | |
|-------------------------------|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Lần ban hành: 01/02 |
| | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | Trang/ Tổng trang: 6/12 |

| | | | |
|---|--|---|--|
| <p>vay nước ngoài;</p> <p>b) Trường hợp khoản vay thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Thông tư 12/2022/TT-NHNN: Văn bản của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản của bên đi vay về tình hình rút vốn, trả nợ đối với khoản vay nước ngoài ngắn hạn ban đầu;</p> <p>* Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt chứng từ của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản của bên cho vay về các giao dịch thu, chi liên quan đến việc hình thành khoản vay đối với trường hợp phân vốn nhà đầu tư nước ngoài chuyển vào Việt Nam đã sử dụng để đáp ứng các khoản chi phí chuẩn bị đầu tư được chuyển thành khoản vay nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.</p> <p>* Trường hợp bên đi vay không thể cung cấp được xác nhận của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản: Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản đã đóng cửa, tạm dừng hoạt động trước khi bên đi vay thay đổi sang ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản khác; hoặc việc rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài thuộc các trường hợp rút vốn, trả nợ không phải thực hiện qua tài khoản vay, trả nợ nước ngoài theo quy định tại Điều 34 Thông tư 12/2022/TT-NHNN;</p> <p>Bên đi vay lựa chọn một trong các tài liệu khác chứng minh tình hình rút vốn, trả nợ khoản vay như sau: bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét có thông tin chứng minh bên đi vay đã tiếp nhận khoản vay, dư nợ đến thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài; bản sao và bản dịch tiếng Việt văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại ở nước ngoài nơi bên đi vay mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện rút vốn, trả nợ khoản vay; bản sao và bản dịch tiếng Việt thư xác nhận của ngân hàng ở nước ngoài về số tiền bên cho vay đã thanh toán trực tiếp cho người thụ hưởng là người không cư trú cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ với người cư trú là bên đi</p> | | X | |
| | | X | |

| | | |
|-------------------------------|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Lần ban hành: 01/02 |
| | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | Trang/ Tổng trang: 7/12 |

| | | | | |
|------------|---|-------------------------------|------------------|--|
| | vay. | | | |
| 8 | Báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước về giới hạn cấp tín dụng và các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm cuối tháng gần nhất trước ngày ký thỏa thuận vay nước ngoài và văn bản chứng minh việc chưa tuân thủ các quy định của pháp luật về giới hạn cấp tín dụng và các tỷ lệ đảm bảo an toàn đã được Thủ tướng Chính phủ hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật (nếu có) đối với Bên đi vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | x | | |
| 5.5 | Số lượng hồ sơ: 1 bộ | | | |
| 5.6 | Thời gian giải quyết | | | |
| | + 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay trong trường hợp Bên đi vay không khai báo thông tin khoản vay trên Trang điện tử; + 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay trong trường hợp Bên đi vay đã khai báo thông tin khoản vay trên Trang điện tử. | | | |
| 5.7 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | | |
| | BPMC | | | |
| 5.8 | Lệ phí: Không | | | |
| 5.9 | Quy trình xử lý công việc | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả |
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay a) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu điện: Văn thư lấy số, đăng ký trên phần mềm edoc, trình Giám đốc bút phê trực tiếp (scan bản có bút phê vào edoc), sau đó chuyển đến công chức giải quyết TTHC. b) Trường hợp đơn vị nộp hồ sơ trực tiếp không cần | Bên đi vay Văn thư BPMC | Giờ hành chính | Theo mục 5.3 Mẫu 02: Giấy biên nhận hồ sơ |

| | | | |
|-------------------------------|--|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | | Lần ban hành: 01/02 |
| | | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | | Trang/ Tổng trang: 8/12 |

| | | | | |
|----|---|---------------------------|--|---|
| | <p>tư vấn: Công chức BPMC lập Giấy biên nhận, chuyển hồ sơ cho Văn thư để lấy số đăng ký trên phần mềm edoc, trình Giám đốc bút phê trực tiếp (scan bản có bút phê vào edoc). Văn thư chuyển đến công chức giải quyết TTHC.</p> <p>c) Trường hợp đơn vị nộp hồ sơ trực tiếp cần tư vấn, hướng dẫn trực tiếp: công chức BPMC thông báo cho Công chức giải quyết TTHC đến BPMC để phối hợp.</p> | | | |
| B2 | <p>Kiểm tra hồ sơ</p> <p>a) Trường hợp tư vấn, hướng dẫn trực tiếp đơn vị tại Bộ phận một cửa: Công chức giải quyết TTHC xem xét tính hợp lệ và đầy đủ theo mục 5.2 của hồ sơ:</p> <p>+ Nếu đầy đủ, lập Giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả hồ sơ, cập nhật sổ theo dõi và chuyển Văn thư lấy số, đăng ký trên phần mềm edoc, trình Giám đốc bút phê trực tiếp kèm Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;</p> <p>+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc cần điều chỉnh mở Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ. Sau khi đơn vị bổ sung đầy đủ hồ sơ thì lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc</p> | Công chức giải quyết TTHC | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Văn thư hoặc BPMC | <p>Mẫu 03: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>Mẫu 07: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>Mẫu 08: Sổ theo dõi hồ sơ</p> <p>Mẫu 04: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>Mẫu 05: Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ</p> |

| | | | |
|-------------------------------|--|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | | Lần ban hành: 01/02 |
| | | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | | Trang/ Tổng trang: 9/12 |

| | | | | |
|----|---|---------------------------|---|---|
| | <p>thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh mở Phiếu từ chối tiếp nhận hồ;</p> <p>b) Trường hợp nhận hồ sơ từ văn thư:</p> <p>+ Nếu đầy đủ, lập Giấy tiếp nhận và hẹn ngày trả hồ sơ, cập nhật sổ theo dõi và chuyển BPMC cập nhật thời hạn xử lý hồ sơ trên edoc;</p> <p>+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc cần điều chỉnh mở Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ. Sau khi đơn vị bổ sung đầy đủ hồ sơ thì lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh mở Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ (quy trình kết thúc);</p> | | | |
| B3 | <p>Thẩm định hồ sơ</p> <p>1. Nội dung thẩm định:</p> <p>a) Tính hợp pháp của hồ sơ;</p> <p>b) Căn cứ thẩm định: theo Mục 5.1 Cơ sở pháp lý.</p> <p>2. Xử lý kết quả thẩm định</p> <p>a) Trường hợp từ chối do hồ sơ không đủ điều kiện hoặc cần giải trình, bổ sung, xin ý kiến của các đơn vị khác (nếu có); lập văn bản xin ý kiến (nếu có), lập văn bản thông báo cho doanh nghiệp nêu rõ lý do. Ngoài ra, đối với khoản vay</p> | Công chức giải quyết TTHC | <p>06 ngày (hình thức trực tuyến)</p> <p>09 ngày (hình thức truyền thống)</p> | <p>- Dự thảo tờ trình, trong các trường hợp:</p> <p>+ Chấp thuận (văn bản xác nhận tham khảo Mục 7)</p> <p>+ Chuyển hồ sơ VPHC</p> <p>- Công văn thông báo, xin ý kiến trong các trường hợp:</p> <p>+ Từ chối</p> <p>+ Giải trình, bổ sung hồ sơ.</p> <p>+ Chuyển hồ sơ VPHC</p> <p>+ Gửi các đơn vị có</p> |

| | | | |
|-------------------------------|--|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | | Lần ban hành: 01/02 |
| | | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | | Trang/ Tổng trang: 10/12 |

| | | | | |
|----|---|--|------------------|---|
| | <p>đăng ký trực tuyến không đáp ứng yêu cầu, cập nhật Trang điện tử, chọn "Không kiểm soát" khoản vay</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Lập tờ trình và dự thảo văn bản xác nhận trình lãnh đạo Phòng, thực hiện bước tiếp theo (B4).</p> <p>c) Trường hợp phát hiện dấu hiệu VPHC cần chuyển hồ sơ đến Phòng Thanh tra, giám sát (theo chỉ đạo của Lãnh đạo phòng): lập tờ trình và dự thảo văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết.</p> | | | liên quan khác. |
| B4 | <p>Kiểm tra nội dung dự thảo văn bản</p> <p>- Nếu văn bản đạt yêu cầu: Lãnh đạo phòng ký xác nhận tờ trình và ký nháy văn bản, chuyển Phòng HCNS&KSNB duyệt thể thức văn bản, chuyển sang B5.</p> <p>- Nếu văn bản không đạt yêu cầu thì chuyển trả lại công chức để sửa văn bản theo B3.</p> | <p>Lãnh đạo phòng THKT</p> <p>Lãnh đạo phòng HCNS&KSNB</p> | 03 ngày làm việc | |
| B5 | <p>Phê duyệt Quyết định chấp thuận hoặc công văn thông báo</p> <p>Nếu đồng ý: Ký phê duyệt Quyết định chấp thuận hoặc Công văn thông báo;</p> <p>- Nếu không đồng ý: có thể sửa trực tiếp lên văn bản và</p> | Lãnh đạo Chi nhánh | 02 ngày làm việc | Văn bản xác nhận được lãnh đạo Chi nhánh ký duyệt |

| | | | |
|-------------------------------|--|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | | Lần ban hành: 01/02 |
| | | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | | Trang/ Tổng trang: 11/12 |

| | | | | | |
|----|--|--|-----------------|--|---|
| | <p>chuyển cho đơn vị soạn thảo hoàn thiện (quay lại bước 3,4)</p> <p>- Đối với trường hợp hồ sơ VPHC chuyên Phòng Thanh tra, giám sát (nếu có): Lãnh đạo Chi nhánh duyệt Tờ trình, văn bản thông báo và chuyển chuyên viên Phòng THKT lập Phiếu chuyển hồ sơ gửi Phòng Thanh tra, giám sát (Kết thúc quy trình).</p> <p>Sau khi nhận kết quả xử lý từ Phòng Thanh tra, giám sát, tiếp tục xử lý hồ sơ từ B3.</p> <p><i>Ghi chú:</i> Trường hợp hồ sơ bị chậm muộn, phòng THKT có trách nhiệm mở phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả để thông tin đến TCKT.</p> | Công chức giải quyết TTHC | | | Mẫu 06: Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả lại kết quả |
| B6 | <p>Lấy số, vào sổ, nhân bản, đóng dấu, nhập vào phần mềm rồi gửi văn bản đi (hoặc trực tiếp trả kết quả cho tổ chức, cá nhân), đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định</p> <p>Trường hợp từ chối cấp phép, hoặc TCKT không nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu bổ sung thì công chức giải quyết TTHC chuyển hồ sơ cho BPMC để trả cho TCKT.</p> | <p>- Bộ phận 01 cửa (hoặc Văn thư)</p> <p>- Phòng THKT</p> | 1 ngày làm việc | Văn bản được vào sổ, đóng dấu, phát hành | Mẫu 09: Phiếu trả hồ sơ |

Ghi chú: Các mẫu (02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) theo phụ lục I, Quyết định 2412/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

| | | |
|-------------------------------|--|--------------------------|
| NHNN VIỆT NAM CN KHÁNH HÒA | QUY TRÌNH | Ký hiệu: QT.CN42.NH.06 |
| | Đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Lần ban hành: 01/02 |
| | | Ngày ban hành: 06/8/2024 |
| | | Trang/ Tổng trang: 12/12 |

6. BIỂU MẪU

| TT | Tên phụ lục | Mã hiệu |
|----|---|-----------------------|
| 1 | Mẫu đơn đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Phụ lục.CN42.NH.06.01 |
| 2 | Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay trả nước ngoài | Phụ lục.CN42.NH.06.02 |

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Tên hồ sơ | Mã hiệu | Nơi lưu | Thời gian lưu |
|-----|--|--------------------|---------------------|---|
| 1 | Bộ hồ sơ hợp lệ đã thẩm định | Theo mục 5.3 | Kho lưu trữ cơ quan | Theo quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hiện hành của NHNN |
| 2 | Văn bản xác nhận khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh | Số, ngày phát hành | Kho lưu trữ cơ quan | |
| 3 | Giấy biên nhận hồ sơ | Mẫu 02 | Như trên | |
| 4 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | Mẫu 03 | Như trên | |
| 5 | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ | Mẫu 04 | Như trên | |
| 6 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | Mẫu 05 | Như trên | |
| 7 | Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả lại kết quả | Mẫu 06 | Như trên | |
| 8 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | Mẫu 07 | Như trên | |
| 9 | Sổ theo dõi hồ sơ | Mẫu 08 | Như trên | |
| 10 | Phiếu trả hồ sơ | Mẫu 09 | Như trên | |